

Số: 1696/TTTr-UBND

Đắk Nông, ngày 06 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức tiền công thực hiện nhiệm vụ thi đối với giáo dục phổ thông; nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Thực hiện Thông báo số 04/TB-HĐND ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc kết luận Phiên họp thứ 9 Thường trực HĐND tỉnh khóa IV; Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định mức tiền công thực hiện nhiệm vụ thi đối với giáo dục phổ thông; nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước.

2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Ngày 11 tháng 8 năm 2021, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 69/2021/TT-BTC hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông (có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2021) và thay thế Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 26

tháng 4 năm 2012 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu lạc bộ, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế; Ủy ban nhân dân tỉnh đã nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị quyết Quy định mức tiền công thực hiện nhiệm vụ thi đối với giáo dục phổ thông; nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua nhằm bảo đảm điều kiện để triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của ngành giáo dục và đào tạo. Dự thảo Nghị quyết được xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và nguồn ngân sách của địa phương.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Bảo đảm việc thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của các cấp quản lý giáo dục, các cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh và những người tham gia tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

Bảo đảm tính công khai, minh bạch; chính sách quy định tại Nghị quyết đảm bảo yêu cầu, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC và các quy định của pháp luật hiện hành.

Một số mức chi tại Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh áp dụng theo các quy định đã có của tỉnh; tiền công chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi tính theo mức 3, 4 của Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định mức tiền công thực hiện nhiệm vụ thi đối với giáo dục phổ thông; nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo cấp tỉnh và cấp huyện, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Đắk Nông được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi theo quy định tại Nghị quyết.

IV. NỘI DUNG CHÍNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Quy định mức tiền công thực hiện nhiệm vụ thi đối với giáo dục phổ thông

Quy định mức tiền công cụ thể cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi đối với các kỳ thi tuyển sinh đầu cấp; kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh các môn văn hóa; kỳ thi chọn đội tuyển học sinh giỏi cấp quốc gia, chọn học sinh giỏi cấp quốc gia do tỉnh Đắk Nông tổ chức (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết*).

2. Quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

2.1. Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp tỉnh

a) Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Hội thi Giáo viên dạy giỏi; Hội thi Giáo dục Quốc phòng - An ninh; Thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật; Kỳ thi nghề phổ thông, Kỳ thi cấp chứng chỉ và các kỳ thi, cuộc thi cấp tỉnh khác): Tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ tại kỳ thi, cuộc thi, hội thi vận dụng quy định tại mục 1 và được tính bằng 90% định mức tương ứng.

b) Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi (ngoài quy định tại điểm a) trong phạm vi triển khai nhiệm vụ chuyên môn của ngành: Tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ tại kỳ thi, cuộc thi, hội thi vận dụng tại khoản 1 và được tính bằng 80% định mức tương ứng.

2.2. Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp huyện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi được tính bằng 80% định mức các kỳ thi, cuộc thi cấp tỉnh quy định tại mục 1 và mục 2.1.

2.3. Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp trường/trung tâm theo quy định: Mức chi cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi áp dụng 70% mức chi các kỳ thi, cuộc thi, hội thi quy định tại mục 1 và mục 2.1.

Các nội dung không quy định tại Nghị quyết thì thực hiện theo Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông.

Năm 2022 áp dụng 70% mức chi quy định tại Phụ lục đính kèm; các năm tiếp theo, mỗi năm tăng 10% cho đến khi đạt 100% mức chi quy định tại Phụ lục.

V. CƠ SỞ XÂY DỰNG MỨC CHI TRONG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Căn cứ dự toán các kỳ thi trong một năm của ngành giáo dục áp dụng mức chi theo Quyết định số 07/2013/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về nội dung, các mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông và các kỳ thi khác trong phạm vi nhiệm vụ chuyên môn của ngành giáo dục tại tỉnh Đắk Nông để dự kiến một mức chi mới, trên cơ sở đó tính mức chênh lệch kinh phí. Căn cứ tình hình phát triển kinh tế trong 10 năm qua kể từ khi Quyết định

07/2013/QĐ-UBND được ban hành và số tiền chênh lệch khoảng 500 triệu là phù hợp, từ đó quyết định mức chi tại Dự thảo Nghị quyết (*Bảng dự toán gửi kèm*).

Căn cứ mức chi quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước.

Nghị quyết sau khi ban hành sẽ áp dụng trong nhiều năm. Do đó, để phù hợp trong thời gian dài, dự thảo Nghị quyết đã xây dựng mức chi áp dụng năm 2022 là 70% mức chi quy định. Các năm tiếp theo mỗi năm tăng 10% cho đến khi đạt 100% mức chi.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán hàng năm của các đơn vị.

Hồ sơ gửi kèm theo:

- Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng Nhân dân tỉnh;
- Báo cáo thẩm định Nghị quyết của Sở Tư pháp;
- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định Nghị quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Sở: GD&ĐT; TP, TC;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KGVX.^(VN)

30

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH




Hồ Văn Mười

Phụ lục
MỘT SỐ MỨC CHI TỔ CHỨC CÁC KỲ THI, CUỘC THI, HỘI THI
ĐỐI VỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG ÁP DỤNG TẠI TỈNH ĐẮK NÔNG

(Kèm theo Tờ trình số 1696 /TTr-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Ghi chú: Mức lương theo ngày tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH: Mức 1: 2.000; Mức 2: 1.500; Mức 3: 1.000; Mức 4: 750

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Chi chú
1	Chi tiền công cho các chức danh			
1.1	Thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi			
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	600	Tương đương 60% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
b	Phó Chủ tịch Thường trực/Phó Trưởng ban Thường trực	Người/ngày	520	Tương đương 52% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
c	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	480	Tương đương 48% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
d	Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng trong (24/24h)	Người/ngày	420	Tương đương 42 mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
e	Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	150	Tương đương 20% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 4
1.2	Thành viên Hội đồng/Ban in sao đề thi			
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	600	Tương đương 60% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
b	PCT Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	480	Tương đương 48% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
c	Ủy viên, thư ký, công an, bảo vệ làm việc cách ly (vòng trong)	Người/ngày	420	Tương đương 42% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
d	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	150	Tương đương 20% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 4

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Chi chú
e	Thành viên bộ phận vận chuyên đề thi	Người/ngày	600	Tương đương 60% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
1.3	Thành viên Ban Chỉ đạo thi (áp dụng cho Kỳ thi tốt nghiệp THPT)			
a	Trưởng ban	Người/ngày	700	Tương đương 70% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
b	Phó Trưởng ban Thường trực	Người/ngày	600	Tương đương 60% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
c	Phó Trưởng ban		520	Tương đương 52% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
d	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	480	Tương đương 48% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
e	Nhân viên phục vụ		150	Tương đương 20% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 4
1.4	Hội đồng thi (áp dụng cho Kỳ thi tốt nghiệp THPT)			
a	Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	600	Tương đương 60% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
b	Phó Chủ tịch	Người/ngày	480	Tương đương 48% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
c	Ủy viên		420	Tương đương 42% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
1.5	Thành viên Ban Thư ký (áp dụng cho Kỳ thi tốt nghiệp THPT)			
a	Trưởng ban	Người/ngày	600	Tương đương 60% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
b	Phó Trưởng ban	Người/ngày	480	Tương đương 48% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
c	Ủy viên	Người/ngày	420	Tương đương 42% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
1.6	Thành viên Hội đồng/Ban Coi thi			
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	600	Tương đương 60% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3



STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Chi chú
b	Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng/Phó Trưởng ban Thường trực	Người/ngày	520	Tương đương 52% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
c	Phó chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	480	Tương đương 48% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
d	Ủy viên, thư ký, giám thị/cán bộ coi thi	Người/ngày	420	Tương đương 42% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
e	Công an, bảo vệ	Người/ngày	150	Tương đương 20% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 4
1.7	Thành viên Ban/Tổ làm phách			
a	Trưởng ban/Tổ trưởng	Người/ngày	600	Tương đương 60% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
b	Phó Trưởng ban/Tổ phó	Người/ngày	480	Tương đương 48% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
c	Ủy viên, thư ký, công an, bảo vệ làm việc cách ly (vòng trong)	Người/ngày	420	Tương đương 42% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
d	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	150	Tương đương 20% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 4
1.8	Thành viên các Hội đồng/Ban chấm thi: Hội đồng/Ban Chấm thi tự luận; Hội đồng/Ban Chấm thi trắc nghiệm; Hội đồng/Ban phúc khảo tự luận; Hội đồng/Ban phúc khảo trắc nghiệm; Hội đồng/Ban Chấm thẩm định bài thi			
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	600	Tương đương 60% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
b	Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng/Phó Trưởng ban Thường trực	Người/ngày	520	Tương đương 52% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
c	Phó chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	480	Tương đương 48% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
d	Ủy viên/cán bộ chấm thi, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	420	Tương đương 42% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
e	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ	Người/ngày	150	Tương đương 20% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 4
1.9	Thành viên Hội đồng xét tốt nghiệp THCS/THPT			

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Chi chú
a	Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	600	Tương đương 60% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
b	P. Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	480	Tương đương 48% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
c	Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	420	Tương đương 42% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
2	Tiền công ra đề thi			
2.1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi			
a	Chủ trì	Người/ngày	600	Tương đương 60% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
b	Các thành viên	Người/ngày	420	Tương đương 42% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
2.1	Tiền công ra đề đề xuất đối với đề tự luận			
a	Thi tuyển sinh đầu cấp	Đề	600	
b	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Đề theo phân môn	800	
c	Thi chọn đội tuyển học sinh giỏi cấp quốc gia	Đề theo phân môn	1.000	
2.2	Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị kèm đáp án, biểu điểm			
a	Thi tuyển sinh đầu cấp	Người/ngày	600	Tương đương 60% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
b	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh (Đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thực hành, đề thi nói)	Người/ngày	750	Tương đương 75% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
c	Thi chọn đội tuyển học sinh giỏi cấp quốc gia (Đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thực hành, đề thi nói)	Người/ngày	850	Tương đương 85% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
3	Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi			
3.1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi			



STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Chi chú
A	Chủ trì	Người/ngày	750	Tương đương 44% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức
B	Thành viên	Người/ngày	600	Tương đương 35% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 2
3.2	Tiền công đối với câu hỏi			
a	Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	Đồng/câu	70	Theo mức tại Thông tư 69
b	Tiền công rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Đồng/câu	60	Theo mức tại Thông tư 69
c	Tiền công chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Đồng/câu	50	Theo mức tại Thông tư 69
d	Tiền công chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Đồng/câu	35	Theo mức tại Thông tư 69
e	Tiền công rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Đồng/câu	10	Theo mức tại Thông tư 69
3.4	Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm			
a	Chủ trì	Người/ngày	750	Tương đương 75% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
b	Thành viên	Người/ngày	600	Tương đương 60% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
4	<p>Tiền công chấm thi: Chấm bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học, bài thi trắc nghiệm; Chấm phúc khảo bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học, bài thi trắc nghiệm (Định mức chấm bài thi tự luận, thi nói và thi thực hành, bài thi tin học theo ngày của mỗi cán bộ chấm thi: - Kỳ thi chọn học sinh giỏi, thi chọn đội tuyển học sinh giỏi dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia: tối đa 20 bài/người/ngày; - Kỳ thi tốt nghiệp THPT, tuyển sinh đầu cấp: tối đa 30 bài/người/ngày)</p>			

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Chi chú
4.1	Thi tuyển sinh đầu cấp	Người/ngày	500	Tương đương 50% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
4.2	Thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Người/ngày	600	Tương đương 60% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
4.3	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Người/ngày	700	Tương đương 70% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
4.4	Thi chọn đội tuyển học sinh giỏi cấp quốc gia	Người/ngày	800	Tương đương 80% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
5	Tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi			
5.1	Tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh			
a	Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	Người/ngày	200	Tương đương 20% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
b	Tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết	Người/giờ	300	Tương đương 30% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
c	Tiền công biên soạn và giảng dạy thực hành	Người/giờ	350	Tương đương 35% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
d	Tiền công trợ lý thí nghiệm, thực hành	Người/ngày	400	Tương đương 40% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
5.2	Tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia			
a	Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	Người/ngày	300	Tương đương 30% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
b	Tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết	Người/giờ	400	Tương đương 40% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
c	Tiền công biên soạn và giảng dạy thực hành	Người/giờ	450	Tương đương 45% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3
d	Tiền công trợ lý thí nghiệm, thực hành	Người/ngày	500	Tương đương 50% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3



STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Chi chú
6	Tiền công chi cho công tác thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi (Chỉ áp dụng đối với cán bộ làm công tác thanh tra kiêm nhiệm)			
a	Trưởng đoàn thanh tra	Người/ngày	600	<i>Tương đương 60% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3</i>
b	Đoàn viên thanh tra	Người/ngày	420	<i>Tương đương 42% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3</i>
c	Thanh tra viên độc lập	Người/ngày	500	<i>Tương đương 50% mức lương theo ngày của CGTV theo Mức 3</i>

Ghi chú:

- Đối với Cuộc thi, Hội thi: Ban tổ chức áp dụng theo các chức danh của Hội đồng thi (tại mục 1.4): Chủ tịch Hội đồng tương ứng với Trưởng ban, Phó Chủ tịch Hội đồng tương ứng với Phó Trưởng ban; Hội đồng thẩm định, Ban Giám khảo áp dụng theo các chức danh Hội đồng/Ban chấm thi (mục 1.8); tiền công chấm thi áp dụng tại mục 4.1.
- Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông quy định tại Điều 3 Nghị quyết này: mức chi tiền công ra đề đề xuất đối với đề tự luận, tiền công ra đề thi chính thức và dự bị kèm đáp án, biểu điểm, tiền công chấm thi áp dụng mức chi tương ứng tại Mục 2.1a, 2.2a, 4.1.

Số: /2022/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày tháng 4 năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức tiền công thực hiện nhiệm vụ thi đối với giáo dục phổ thông; nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA IV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Báo cáo thẩm tra số .../BC-HĐND ngày tháng năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức tiền công thực hiện nhiệm vụ thi đối với giáo dục phổ thông; nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo cấp tỉnh và huyện, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Đắk Nông được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 2. Quy định mức tiền công thực hiện nhiệm vụ thi đối với giáo dục phổ thông

Quy định mức tiền công cụ thể cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi đối với các kỳ thi tuyển sinh đầu cấp; kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh các môn văn hóa; kỳ thi chọn đội tuyển học sinh giỏi cấp quốc gia, chọn học sinh giỏi cấp quốc gia do tỉnh Đắk Nông tổ chức (*Phụ lục chi tiết kèm theo*).

Điều 3. Quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

1. Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp tỉnh

a) Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Hội thi Giáo viên dạy giỏi; hội thi Giáo dục Quốc phòng - An ninh; thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật; kỳ thi nghề phổ thông; kỳ thi cấp chứng chỉ và các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp tỉnh khác): Tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ tại kỳ thi, cuộc thi, hội thi vận dụng quy định tại Điều 2 và được tính bằng 90% định mức tương ứng.

b) Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi (ngoài quy định tại điểm a) trong phạm vi triển khai nhiệm vụ chuyên môn của ngành: Tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ tại kỳ thi, cuộc thi, hội thi vận dụng tại Điều 2 và được tính bằng 80% định mức tương ứng.

2. Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp huyện theo quy định: Tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi được tính bằng 80% định mức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp tỉnh quy định tại Điều 2 và khoản 1 Điều này.

3. Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp trường/trung tâm theo quy định: mức chi cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi áp dụng 70% mức chi các kỳ thi, cuộc thi, hội thi quy định tại Điều 2 và khoản 1 Điều này.

Điều 4. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông.

Mức chi quy định tại Nghị quyết này được thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức các nhiệm vụ quy định tại Điều 2, Điều 3 Nghị quyết này. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất.

Năm 2022 áp dụng 70% mức chi quy định tại Điều 2 tại Nghị quyết này. Các năm tiếp theo, mỗi năm tăng 10% cho đến khi đạt 100% mức chi quy định tại Điều 2 Nghị quyết này.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông khóa IV, kỳ họp chuyên đề thông qua ngày tháng 4 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo Đắk Nông;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đắk Nông;
- Đài Phát thanh và Truyền hình Đắk Nông;
- Trung tâm Lưu trữ-Sở Nội vụ Đắk Nông;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phụ lục
MỘT SỐ MỨC CHI TIỀN CÔNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THI ĐÓI
VỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG ÁP DỤNG TẠI TỈNH ĐẮK NÔNG
(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
1	Chi tiền công cho các chức danh		
1.1	<i>Thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi</i>		
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	600
b	Phó Chủ tịch Thường trực/Phó Trưởng ban Thường trực	Người/ngày	520
c	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	480
d	Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng trong (24/24h)	Người/ngày	420
e	Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	150
1.2	<i>Thành viên Hội đồng/Ban in sao đề thi</i>		
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	600
b	Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	480
c	Ủy viên, thư ký, công an, bảo vệ làm việc cách ly (vòng trong)	Người/ngày	420
d	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	150
e	Thành viên bộ phận vận chuyển đề thi	Người/ngày	600
1.3	<i>Thành viên Ban Chỉ đạo thi (áp dụng cho Kỳ thi tốt nghiệp THPT)</i>		
a	Trưởng ban	Người/ngày	700
b	Phó Trưởng ban Thường trực	Người/ngày	600
c	Phó Trưởng ban		520
d	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	480
e	Nhân viên phục vụ		150
1.4	<i>Hội đồng thi (áp dụng cho Kỳ thi tốt nghiệp THPT)</i>		
a	Chủ tịch	Người/ngày	600
b	Phó Chủ tịch	Người/ngày	480

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
c	Ủy viên		420
1.5	<i>Thành viên Ban Thư ký (áp dụng cho Kỳ thi tốt nghiệp THPT)</i>		
a	Trưởng ban	Người/ngày	600
b	Phó Trưởng ban	Người/ngày	480
c	Ủy viên	Người/ngày	420
1.6	<i>Thành viên Hội đồng/Ban coi thi</i>		
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	600
b	Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng/Phó Trưởng ban Thường trực	Người/ngày	520
c	Phó chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	480
d	Ủy viên, thư ký, giám thị/cán bộ coi thi	Người/ngày	420
e	Công an, bảo vệ	Người/ngày	150
1.7	<i>Thành viên Ban/Tổ làm phách</i>		
a	Trưởng ban/Tổ trưởng	Người/ngày	600
b	Phó Trưởng ban/Tổ phó	Người/ngày	480
c	Ủy viên, thư ký, công an, bảo vệ làm việc cách ly (vòng trong)	Người/ngày	420
d	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	150
1.8	<i>Thành viên các Hội đồng/Ban chấm thi:</i> Hội đồng/Ban Chấm thi tự luận; Hội đồng/Ban Chấm thi trắc nghiệm; Hội đồng/Ban phúc khảo tự luận; Hội đồng/Ban phúc khảo trắc nghiệm; Hội đồng/Ban Chấm thẩm định bài thi		
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	600
b	Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng/Phó Trưởng ban Thường trực	Người/ngày	520
c	Phó chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	480
d	Ủy viên/cán bộ chấm thi, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	420
e	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ	Người/ngày	150

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
1.9	<i>Thành viên Hội đồng xét tốt nghiệp THCS/THPT</i>		
a	Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	600
b	Phó Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	480
c	Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	420
2	<i>Tiền công ra đề thi</i>		
2.1	<i>Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi</i>		
a	Chủ trì	Người/ngày	600
b	Các thành viên	Người/ngày	420
2.1	<i>Tiền công ra đề đề xuất đối với đề tự luận</i>		
a	Thi tuyển sinh đầu cấp	Đề	600
b	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Đề theo phân môn	800
c	Thi chọn đội tuyển học sinh giỏi cấp quốc gia	Đề theo phân môn	1.000
2.2	<i>Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị kèm đáp án, biểu điểm</i>		
a	Thi tuyển sinh đầu cấp	Người/ngày	600
b	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh (Đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thực hành, đề thi nói)	Người/ngày	750
c	Thi chọn đội tuyển học sinh giỏi cấp quốc gia (Đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thực hành, đề thi nói)	Người/ngày	850
3	<i>Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi</i>		
3.1	<i>Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi</i>		
A	Chủ trì	Người/ngày	750
B	Thành viên	Người/ngày	600
3.2	<i>Tiền công đối với câu hỏi</i>		
a	Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	Đồng/câu	70
b	Tiền công rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Đồng/câu	60
c	Tiền công chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Đồng/câu	50
d	Tiền công chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Đồng/câu	35
e	Tiền công rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Đồng/câu	10

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
3.4	<i>Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm</i>		
a	Chủ trì	Người/ngày	750
b	Thành viên	Người/ngày	600
4	<p>Tiền công chấm thi: <i>Chấm bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học, bài thi trắc nghiệm; Chấm phúc khảo bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học, bài thi trắc nghiệm</i> <i>(Định mức chấm bài thi tự luận, thi nói và thi thực hành, bài thi tin học theo ngày của mỗi cán bộ chấm thi:</i> - Kỳ thi chọn học sinh giỏi, thi chọn đội tuyển học sinh giỏi dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia: tối đa 20 bài/người/ngày; - Kỳ thi tốt nghiệp THPT, tuyển sinh đầu cấp: tối đa 30 bài/người/ngày).</p>		
4.1	Thi tuyển sinh đầu cấp	Người/ngày	500
4.2	Thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Người/ngày	600
4.3	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Người/ngày	700
4.4	Thi chọn đội tuyển học sinh giỏi cấp quốc gia	Người/ngày	800
5	Tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi		
5.1	<i>Tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh</i>		
a	Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	Người/ngày	200
b	Tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết	Người/giờ	300
c	Tiền công biên soạn và giảng dạy thực hành	Người/giờ	350
d	Tiền công trợ lý thí nghiệm, thực hành	Người/ngày	400
5.2	<i>Tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia</i>		
a	Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	Người/ngày	300
b	Tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết	Người/giờ	400
c	Tiền công biên soạn và giảng dạy thực hành	Người/giờ	450

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
d	Tiền công trợ lý thí nghiệm, thực hành	Người/ngày	500
6	Tiền công chi cho công tác thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi (Chỉ áp dụng đối với cán bộ làm công tác thanh tra kiêm nhiệm)		
a	Trưởng đoàn thanh tra	Người/ngày	600
b	Đoàn viên thanh tra	Người/ngày	420
c	Thanh tra viên độc lập	Người/ngày	500

Lưu ý:

- Đối với Cuộc thi, Hội thi: Ban tổ chức áp dụng theo các chức danh của Hội đồng thi (tại mục 1.4): Chủ tịch Hội đồng tương ứng với Trưởng ban, Phó Chủ tịch Hội đồng tương ứng với Phó Trưởng ban; Hội đồng thẩm định, Ban Giám khảo áp dụng theo các chức danh Hội đồng/Ban chấm thi (mục 1.8); tiền công chấm thi áp dụng tại mục 4.1.

- Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông quy định tại Điều 3 Nghị quyết này: mức chi tiền công ra đề đề xuất đối với đề tự luận, tiền công ra đề thi chính thức và dự bị kèm đáp án, biểu điểm, tiền công chấm thi áp dụng mức chi tương ứng tại Mục 2.1a, 2.2a, 4.1.

Số: 09/BCTĐ-STP

Đắk Nông, ngày 22 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết Quy định mức tiền công thực hiện nhiệm vụ thi đối với giáo dục phổ thông; nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Thực hiện quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020); theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Văn bản số 380/SGDĐT-GDTrHQLCL ngày 15/3/2022 về đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết trình HĐND tỉnh, Sở Tư pháp tiến hành thẩm định dự thảo Nghị quyết với những nội dung chính như sau:

1. Sự cần thiết ban hành; đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo nghị quyết

a) Sự cần thiết ban hành:

Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11/8/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông. Theo đó, Thông tư số 69/2021/TT-BTC đã quy định trách nhiệm của địa phương tại khoản 13 Điều 8 và khoản 4 Điều 9 như sau:

“13. Căn cứ vào khả năng kinh phí, vai trò thực tế của từng chức danh quy định tại khoản 4, khoản 8, điểm b, c, e khoản 9, khoản 10 và điểm a khoản 12 Điều 8 Thông tư này, Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mức tiền công cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định mức tiền công cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi ở địa phương”.

“4. Ngoài các nội dung và mức chi quy định tại Thông tư này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định về nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo tại địa phương, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các địa phương và nguồn ngân sách địa phương”.

Từ những căn cứ nêu trên, việc cơ quan soạn thảo tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức tiền công thực hiện nhiệm vụ thi đối với giáo dục phổ thông; nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông là phù hợp về thẩm quyền và thống nhất với hệ thống pháp luật.

b) Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo nghị quyết:

Nhìn chung, đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết cơ bản phù hợp với quy định có liên quan và tình hình thực tế tại địa phương.

Tuy nhiên, đề việc quy định đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết mang tính cụ thể, phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương và phù hợp với Điều 1, Điều 2, khoản 13 Điều 8, khoản 4 Điều 9 Thông tư số 69/2021/TT-BTC, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu xác định lại phạm vi điều chỉnh tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết:

Dự thảo đã quy định: “*Nghị quyết này quy định mức tiền công thực hiện nhiệm vụ thi đối với giáo dục phổ thông; nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông*”.

Tuy nhiên, cần phải làm rõ hai nội dung:

Thứ nhất, đối với nội dung về quy định mức tiền công thực hiện nhiệm vụ thi đối với giáo dục phổ thông: đề nghị cơ quan soạn thảo xác định rõ, trường hợp này là quy định theo nhiệm vụ được giao tại **khoản 13 Điều 8** Thông tư số 69/2021/TT-BTC, có thể quy định lại theo hướng “*quy định mức tiền công cụ thể cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi đối với các kỳ thi tuyển sinh đầu cấp; kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh các môn văn hóa, chọn học sinh giỏi cấp quốc gia do tỉnh Đắk Nông tổ chức*” cho phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 1 và khoản 13 Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC.

Thứ hai, đối với nội dung về quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông: trường hợp này là quy định theo nhiệm vụ được giao tại **khoản 4 Điều 9** Thông tư số 69/2021/TT-BTC. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo xác định rõ, các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh nhưng phải phù hợp với “*nhiệm vụ chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, địa phương*”. Tại Bản thuyết minh gửi kèm hồ sơ thẩm định, cơ quan soạn thảo chỉ nêu chung chung: “*Thực tiễn tại các địa phương hiện nay đang thực hiện việc tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Do đó, Nghị quyết cần quy định nội dung, mức chi cụ thể cho từng cấp để áp dụng trong thực tế*”. Nội dung này chưa phân tích rõ, chưa nêu đủ cơ sở pháp lý để quy định về danh mục các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo như đã quy định tại Điều 3 dự thảo (chẳng hạn có văn bản nào của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc cấp có thẩm quyền của tỉnh quy định, hướng dẫn về danh mục các kỳ thi, cuộc thi, hội thi này chưa?).

Về đối tượng áp dụng tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết cần bổ sung như sau: “*Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo cấp tỉnh và huyện, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Đắk Nông được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi theo quy định tại Nghị quyết này*” cho cụ thể, phù hợp hơn.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân quy định chi tiết; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật

- Tại Điều 2 dự thảo:

+ Rà soát lại cụm từ “*khoản 4; khoản 8; điểm b, c, e khoản 9; khoản 10 và điểm a khoản 12 Điều 8*” vì không đủ nghĩa. Có thể sửa lại như sau: “*theo quy định tại khoản 4; khoản 8; điểm b, c, e khoản 9; khoản 10 và điểm a khoản 12 Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC...*” cho đầy đủ.

+ Đối với nội dung “*Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông; Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh; Thi tốt nghiệp trung học phổ thông; Thi lập đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia và cấp khu vực*” cần được rà soát lại cho thống nhất với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Thông tư số 69/2021/TT-BTC về “*Các nhiệm vụ do các địa phương chủ trì thực hiện đối với các kỳ thi tuyển sinh đầu cấp; kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh các môn văn hóa, chọn học sinh giỏi cấp quốc gia*”, cụ thể:

- Kỳ thi tuyển sinh đầu cấp hay thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông?

- Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh các môn văn hóa hay thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh? Bởi vì, nếu quy định như dự thảo, sẽ sót kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện các môn văn hóa. Trường hợp tích hợp đối tượng này vào nội dung quy định khoản 2 Điều 3 dự thảo thì cần phải giải thích rõ. Tuy nhiên, cần lưu ý, tại Điều 3 dự thảo là thể chế hóa nhiệm vụ được giao tại khoản 4 Điều 9 Thông tư số 69/2021/TT-BTC. Ngoài ra, điểm b khoản 1 Điều 1 Thông tư số 69/2021/TT-BTC chỉ áp dụng đối với kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh *các môn văn hóa*, trong khi đó, dự thảo chỉ quy định là thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh là chưa thống nhất.

- Thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia hay thi lập đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia và cấp khu vực? Bởi vì, theo quy định tại Điều 3 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 56/2011/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia thì việc tổ chức các kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia thông qua thời điểm hằng năm, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức 02 kỳ thi: kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia trung học phổ thông và kỳ thi chọn học sinh trung học phổ thông vào các đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế và khu vực. Hơn nữa, tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 41/2012/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia ban hành kèm theo Thông tư số 56/2011/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 01 năm 2013, Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện việc tuyển chọn, triệu tập thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển Olympic. Như vậy, việc quy định lập đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp

quốc gia và **cấp khu vực** – như dự thảo là chưa chính xác và có sự trùng lặp về nội hàm của quy định. Nếu như yếu tố “khu vực” ở trường hợp như dự thảo đề xuất là “một số tỉnh” thì cần giải trình rõ cơ sở.

Cơ quan soạn thảo lưu ý, cần phải quy định cho thống nhất, chính xác theo đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Thông tư số 69/2021/TT-BTC; phải quy định cụ thể nội dung cần điều chỉnh và chỉ được quy định nội dung được giao theo khoản 2 Điều 8 và khoản 3 Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020).

- Đối với dự thảo Phụ lục I được quy định kèm theo Điều 2 dự thảo, đề nghị cơ quan soạn thảo lưu ý:

+ Về mức chi: việc đề xuất mức tiền công như dự thảo khá cao so với mặt bằng chung của nhiều tỉnh, chẳng hạn cao hơn thành phố Cần Thơ, tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Phú Thọ, tỉnh Long An, tỉnh Hà Nam, tỉnh Cao Bằng,.... Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, đánh giá lại nội dung này. Trong hồ sơ thẩm định, cơ quan soạn thảo chưa cung cấp tài liệu để chứng minh lý do tại sao đề xuất mức tiền công như dự thảo; chưa có tài liệu về cách thức tính toán tiền công theo ngày cho từng chức danh theo mức lương quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước; chưa có bảng dự toán, bảng thống kê ước tính về số lượng các kỳ thi, số lượng các chức danh thực hiện nhiệm vụ... để từ đó, mới có đủ cơ sở ước tính nguồn ngân sách phải chi ra hàng năm và đề xuất mức tiền công cho phù hợp.

+ Về nội dung chi: đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, đối chiếu lại các nội dung chi tương ứng để đảm bảo đúng theo quy định tại khoản 4; khoản 8; điểm b, c, e khoản 9; khoản 10 và điểm a khoản 12 Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC và các quy định có liên quan. Đặc biệt, việc đặt ra nội dung quy định liên quan đến các chức danh “Thường trực” – cần phải được đối chiếu với quy định về Quy chế của các kỳ thi để quy định cho chính xác.

- Tại điểm a khoản 1 Điều 3 dự thảo:

+ Cần làm rõ cơ sở pháp lý để quy định nội dung “các kỳ thi, cuộc thi, hội thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Hội thi Giáo viên dạy giỏi; Hội thi Giáo dục Quốc phòng – An ninh; Thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật; Kỳ thi nghề phổ thông, Kỳ thi cấp chứng chỉ và các kỳ thi, cuộc thi cấp tỉnh khác”.

+ Dựa vào cơ sở nào cơ quan soạn thảo đề xuất tính bằng 80% định mức tương ứng mức tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ tại kỳ thi, cuộc thi, hội thi **vận dụng quy định tại Điều 2**? Tương tự đối với các tỷ lệ phần trăm định mức tương ứng được quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 3 dự thảo?

- Tại điểm b khoản 1 Điều 3 dự thảo và dự thảo Phụ lục II được quy định kèm theo Điều 3 dự thảo: theo như nội dung dự thảo, có thể hiểu, đây là những cuộc thi do tỉnh phát động và tổ chức. Tuy nhiên, để tránh yếu tố đặc thù, tính địa phương đối với nội dung này, đề nghị cơ quan soạn thảo cần quy định theo hướng “*triển khai nhiệm vụ chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo*” – chẳng hạn, cụ thể hóa các nhiệm vụ cần triển khai các Kế hoạch, Quyết định, Quy chế... Bộ Giáo dục và Đào tạo .

Việc quy định danh mục chỉ gồm 18 cuộc thi tại Phụ lục II có cứng nhắc không? Trường hợp Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu triển khai các nhiệm vụ chuyên môn ngoài danh mục 18 cuộc thi tại Phụ lục II của dự thảo thì giải quyết như thế nào? Đề nghị nghiên cứu phương án linh hoạt hơn.

- Tại khoản 3 Điều 3 dự thảo: việc quy định phân cấp “*Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp trường/trung tâm theo quy định: Hiệu trưởng/Giám đốc tổ chức xây dựng mức chi*” cần cần nhắc thêm cho phù hợp với khoản 1 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, khoản 2 Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và các quy định của pháp luật về tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tại Điều 4 dự thảo: đối với nội dung “*Năm 2022 áp dụng 70% mức chi quy định tại Điều 2 tại Nghị quyết này. Các năm tiếp theo, mỗi năm tăng 10% cho đến khi đạt 100% mức chi quy định tại Điều 2 tại Nghị quyết này*”. Vậy Điều 3 dự thảo được áp dụng như thế nào? Bởi vì, tại Điều 3 dự thảo có tỷ lệ phần trăm định mức tương ứng dẫn chiếu lại Điều 2 dự thảo.

Tóm lại, cơ quan soạn thảo cần rà soát lại các quy định theo hướng: nếu quy định chi tiết thì phải đảm bảo thống nhất; chính xác với các văn bản cấp trên. Cần thuyết minh, giải trình cụ thể về cơ sở pháp lý, thực tiễn,... về các mức chi, nội dung chi để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định (*Lưu ý: Thời gian qua, ở địa phương đã áp dụng Quyết định số 07/2013/QĐ-UBND ngày 06/5/2013 của UBND tỉnh – Quyết định này được ban hành theo Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT (đã hết hiệu lực kể từ ngày 01/10/2021, sau khi Thông tư số 69/2021/TT-BTC có hiệu lực) – do đó, cơ quan soạn thảo cần có Báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả gần 10 năm thực hiện Quyết định này để có cơ sở cho việc xây dựng, đề xuất các nội dung, mức chi mới có liên quan).*

3. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Trình bày văn bản theo đúng quy định tại Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (*chú ý lỗi chính tả, viết hoa, viết thường, viết tắt,...*); Mẫu số 16, mẫu số 44 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Cụ thể:

a) Đối với dự thảo Nghị quyết:

- Tại phần căn cứ pháp lý, đề nghị bổ sung: “*Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở*

dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước” cho đầy đủ.

- Khoản 1 và khoản 2 Điều 1; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 3 dự thảo cần trình bày theo đúng quy định tại điểm d khoản 5 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: “d) Số thứ tự các khoản trong mỗi mục dùng chữ số Ả Rập, sau số thứ tự có dấu chấm (.), cỡ chữ số bằng cỡ chữ của phần lời văn từ 13 đến 14, kiểu chữ đứng; nếu khoản có tiêu đề, số thứ tự và tiêu đề của khoản được trình bày trên một dòng riêng, **bằng chữ in thường**, cỡ chữ bằng cỡ chữ của phần lời văn từ 13 đến 14, kiểu chữ đứng”.

- Tiêu đề Điều 2 và Điều 3 dự thảo cần trình bày theo đúng quy định tại điểm c khoản 5 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: “c) Từ “Điều”, số thứ tự và tiêu đề của điều được trình bày bằng chữ in thường, cách lề trái từ 1cm đến 1,27cm, số thứ tự của điều dùng chữ số Ả Rập, sau số thứ tự có dấu chấm (.); cỡ chữ bằng cỡ chữ của phần lời văn từ 13 đến 14, **kiểu chữ đứng, đậm**”.

- Gộp Điều 5 và Điều 6 dự thảo thành 01 điều “**Tổ chức thực hiện**”.

- Hiệu lực thi hành của dự thảo phải đúng quy định tại khoản 48 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.

- Rà soát, sau dấu chấm phẩy không viết hoa (Điều 2, điểm a khoản 1 Điều 3 dự thảo...).

- Mục Nơi nhận: rà soát, bỏ các đơn vị không liên quan như “Ủy ban Dân tộc”, “Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh”, “Chuyên viên Văn phòng HĐND tỉnh”. Đề nghị bổ sung gửi (Báo Đắc Nông, Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh, Trung tâm lưu trữ - Sở Nội vụ) để văn bản được công khai, lưu trữ theo quy định. Bổ sung chữ viết tắt đơn vị chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu; Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần) (Cho phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 67 Nghị định 34/2016/NĐ-CP: “Nơi nhận văn bản gồm: cơ quan giám sát, cơ quan kiểm tra, cơ quan ban hành văn bản, cơ quan Công báo và các cơ quan, tổ chức khác, tùy theo nội dung của văn bản.”).

b) Đối với dự thảo Phụ lục:

Trình bày văn bản theo đúng quy định tại Mẫu số 44 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP (lưu ý các từ viết tắt...).

c) Đối với dự thảo Tờ trình:

Trình bày dự thảo theo đúng quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ về công tác văn thư.

4. Kết luận chung

Việc tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức tiền công thực hiện nhiệm vụ thi đối với giáo dục phổ thông; nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

trên địa bàn tỉnh Đắk Nông là đúng thẩm quyền và cần thiết. Tuy nhiên về nội dung, cơ quan soạn thảo cần xem xét, nghiên cứu những vấn đề mà Sở Tư pháp nêu tại mục 1, 2, 3 của Báo cáo thẩm định này từ đó tiếp tục chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo trước khi trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

Trên đây là nội dung Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết quy định mức tiền công thực hiện nhiệm vụ thi đối với giáo dục phổ thông; nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu thực hiện theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở GD&ĐT (t/h);
- LĐ Sở;
- Lưu: VT, VBPL (PT).

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trung Hiếu

Số: 146 /BC-SGDĐT

Đắk Nông, ngày 23 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO
TỔNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Ý kiến về thẩm định dự thảo Nghị quyết Quy định mức tiền công thực hiện
các nhiệm vụ thi đối với giáo dục phổ thông; nội dung, mức chi để tổ chức
các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn
tỉnh Đắk Nông

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 và khoản 13 Điều 8, khoản 4 Điều 9 Thông tư 69/2021/TT-BTC ngày 11/8/2021 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông, quy định UBND cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định mức tiền công cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi tại địa phương.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại báo cáo số /BC-STP ngày 23/3/2021 về báo cáo thẩm định dự thảo Nghị quyết Quy định mức tiền công thực hiện các nhiệm vụ thi đối với giáo dục phổ thông; nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, tiếp thu, chỉnh sửa như sau:

1. Sự cần thiết ban hành; đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo nghị quyết

Cần làm rõ hai nội dung:

Thứ nhất, đối với nội dung về quy định mức tiền công thực hiện nhiệm vụ thi đối với giáo dục phổ thông: đề nghị cơ quan soạn thảo xác định rõ, trường hợp này là quy định theo nhiệm vụ được giao tại **khoản 13 Điều 8** Thông tư số 69/2021/TT-BTC, có thể quy định lại theo hướng “*quy định mức tiền công cụ thể cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi đối với các kỳ thi tuyển sinh đầu cấp; kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh các môn văn hóa, chọn học sinh giỏi cấp quốc gia do tỉnh Đắk Nông tổ chức*” cho phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 1 và khoản 13 Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC.

Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu và chỉnh sửa nội dung tại Điều 2.

Thứ hai, đối với nội dung về quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông: trường hợp này là quy định theo nhiệm vụ được giao tại **khoản 4 Điều 9** Thông tư số 69/2021/TT-BTC. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo xác định rõ, các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh nhưng phải phù hợp với “*nhiệm vụ chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, địa phương*”. Tại Bản thuyết minh gửi kèm hồ sơ thẩm định, cơ



quan soạn thảo chỉ nêu chung chung: “Thực tiễn tại các địa phương hiện nay đang thực hiện việc tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Do đó, Nghị quyết cần quy định nội dung, mức chi cụ thể cho từng cấp để áp dụng trong thực tế”. Nội dung này chưa phân tích rõ, chưa nêu đủ cơ sở pháp lý để quy định về danh mục các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo như đã quy định tại Điều 3 dự thảo (chẳng hạn có văn bản nào của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc cấp có thẩm quyền của tỉnh quy định, hướng dẫn về danh mục các kỳ thi, cuộc thi, hội thi này chưa?).

Về đối tượng áp dụng tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết cần bổ sung như sau: “Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo cấp tỉnh và huyện, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Đắk Nông được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi theo quy định tại Nghị quyết này” cho cụ thể, phù hợp hơn.

Nội dung này Sở Giáo dục và Đào tạo giải trình như sau:

Tại khoản 1 Điều 3 dự thảo nghị quyết nhằm thực hiện nhiệm vụ được giao tại khoản 4 Điều 9 Thông tư 69/2021/TT-BTC, Sở Giáo dục và Đào tạo tách thành khoản 1a và khoản 1b.

Đối với khoản 1a: Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Hội thi Giáo viên dạy giỏi; Hội thi Giáo dục Quốc phòng – An ninh; Thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật; Kỳ thi nghề phổ thông, Kỳ thi cấp chứng chỉ và các kỳ thi, cuộc thi cấp tỉnh khác. Đây là các kỳ thi, cuộc thi, hội thi có quy chế, quy định cụ thể của Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện thống nhất trên toàn quốc.

Đối với khoản 1b: Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi (ngoài quy định tại mục a) trong phạm vi nhiệm vụ chuyên môn của ngành (Phụ lục 2 đính kèm). Sở Giáo dục và Đào tạo liệt kê 18 kỳ thi, cuộc thi, hội thi đã từng tổ chức từ trước đến nay, trong đó mỗi năm chọn tổ chức hai, ba hội thi. Đối với nội dung này, Sở Giáo dục và Đào tạo xét thấy các kỳ thi, cuộc thi, hội thi này thực tế triển khai từ các nhiệm vụ chuyên môn hàng năm của ngành nhằm nâng cao hiệu quả dạy và học; dự toán chi mỗi kỳ thi, cuộc thi, hội thi chỉ vài chục triệu đồng và được chi trong nguồn ngân sách sự nghiệp của Sở, sự tác động không lớn,... nên Sở Giáo dục và Đào tạo đưa nội dung này vào trong dự thảo nghị quyết.

Về đối tượng áp dụng tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết cần bổ sung như sau: “Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo cấp tỉnh và huyện, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Đắk Nông được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi theo quy định tại Nghị quyết này” cho cụ thể, phù hợp hơn.

Nội dung này Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu và bổ sung

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân quy định chi tiết; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật

- Tại Điều 2 dự thảo:

+ Rà soát lại cụm từ “*khoản 4; khoản 8; điểm b, c, e khoản 9; khoản 10 và điểm a khoản 12 Điều 8*” vì không đủ nghĩa. Có thể sửa lại như sau: “theo quy định tại *khoản 4; khoản 8; điểm b, c, e khoản 9; khoản 10 và điểm a khoản 12 Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC*” cho đầy đủ.

Nội dung này Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu và bổ sung.

+ Đối với nội dung “*Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông; Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh; Thi tốt nghiệp trung học phổ thông; Thi lập đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia và cấp khu vực*” cần được rà soát lại cho thống nhất với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Thông tư số 69/2021/TT-BTC về “*Các nhiệm vụ do các địa phương chủ trì thực hiện đối với các kỳ thi tuyển sinh đầu cấp; kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh các môn văn hóa, chọn học sinh giỏi cấp quốc gia*”, cụ thể:

- Kỳ thi tuyển sinh đầu cấp hay thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông?

Nội dung này Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu và chỉnh sửa.

- Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh các môn văn hóa hay thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh? Bởi vì, nếu quy định như dự thảo, sẽ sót kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện các môn văn hóa. Trường hợp tích hợp đối tượng này vào nội dung quy định khoản 2 Điều 3 dự thảo thì cần phải giải thích rõ. Tuy nhiên, cần lưu ý, tại Điều 3 dự thảo là thể chế hóa nhiệm vụ được giao tại khoản 4 Điều 9 Thông tư số 69/2021/TT-BTC. Ngoài ra, điểm b khoản 1 Điều 1 Thông tư số 69/2021/TT-BTC chỉ áp dụng đối với kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh *các môn văn hóa*, trong khi đó, dự thảo chỉ quy định là thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh là chưa thống nhất.

Nội dung này Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu và chỉnh sửa.

- Thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia hay thi lập đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia và cấp khu vực? Bởi vì, theo quy định tại Điều 3 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 56 /2011/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia thì việc tổ chức các kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia thông qua thời điểm hằng năm, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức 02 kỳ thi: kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia trung học phổ thông và kỳ thi chọn học sinh trung học phổ thông vào các đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế và khu vực. Hơn nữa, tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 41/2012/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số

điều của Quy chế thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia ban hành kèm theo Thông tư số 56/2011/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 01 năm 2013, Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện việc tuyển chọn, triệu tập thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển Olympic. Như vậy, việc quy định lập đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia và **cấp khu vực** – như dự thảo là chưa chính xác và có sự trùng lặp về nội hàm của quy định. Nếu như yếu tố “khu vực” ở trường hợp như dự thảo đề xuất là “một số tỉnh” thì cần giải trình rõ cơ sở.

Cơ quan soạn thảo lưu ý, cần phải quy định cho thống nhất, chính xác theo đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Thông tư số 69/2021/TT-BTC; phải quy định cụ thể nội dung cần điều chỉnh và chỉ được quy định nội dung được giao theo khoản 2 Điều 8 và khoản 3 Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Nội dung này Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu và chỉnh sửa.

- Đối với dự thảo Phụ lục I được quy định kèm theo Điều 2 dự thảo, đề nghị cơ quan soạn thảo lưu ý:

+ Về mức chi: việc đề xuất mức tiền công như dự thảo khá cao so với mặt bằng chung của nhiều tỉnh, chẳng hạn cao hơn thành phố Cần Thơ, tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Phú Thọ, tỉnh Long An, tỉnh Hà Nam, tỉnh Cao Bằng,... Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, đánh giá lại nội dung này. Trong hồ sơ thẩm định, cơ quan soạn thảo chưa cung cấp tài liệu để chứng minh lý do tại sao đề xuất mức tiền công như dự thảo; chưa có tài liệu về cách thức tính toán tiền công theo ngày cho từng chức danh theo mức lương quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước; chưa có bảng dự toán, bảng thống kê ước tính về số lượng các kỳ thi, số lượng các chức danh thực hiện nhiệm vụ... để từ đó, mới có đủ cơ sở ước tính nguồn ngân sách phải chi ra hàng năm và đề xuất mức tiền công cho phù hợp.

Về nội dung này, Sở Giáo dục và Đào tạo giải trình như sau:

Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu và điều chỉnh mức chi phù hợp. Cụ thể:

Sở Giáo dục và Đào tạo đã lập bảng dự toán khi áp dụng mức chi cũ và mức chi theo dự thảo nghị quyết để căn cứ đưa ra mức chi phù hợp (*Dự toán kèm theo*). Theo đó, dự toán đưa ra mức chênh lệch tăng mỗi kỳ thi khoảng 18% so với mức cũ. Tổng tiền chênh lệch toàn tỉnh trong năm tiếp theo nếu áp dụng mức chi mới khoảng 500 triệu. So với thời điểm Quyết

định 07 của UBND tỉnh được ban hành cách đây 10 năm thì hoàn toàn phù hợp.

Về việc so sánh với các tỉnh như Cần Thơ, Quảng Ngãi,... Sở Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu mức chi của các nghị quyết các tỉnh trên thì thấy rằng mức chi khá tương đồng với Thông tư 66 của Bộ Tài chính đã hết hiệu lực và đã ban hành 10 năm nay. Do đó, nếu quy định mức chi theo mức chi Thông tư 66 thì không phù hợp so với tình hình phát triển kinh tế, xã hội của cả nước nói chung và tỉnh Đắk Nông nói riêng. Mặt khác cũng khá nhiều tỉnh đưa ra mức chi cao hơn hẳn mức chi của dự thảo như Kon Tum, TP. Hồ Chí Minh,...

+ Về nội dung chi: đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, đối chiếu lại các nội dung chi tương ứng để đảm bảo đúng theo quy định tại khoản 4; khoản 8; điểm b, c, e khoản 9; khoản 10 và điểm a khoản 12 Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC và các quy định có liên quan. Đặc biệt, việc đặt ra nội dung quy định liên quan đến các chức danh “Thường trực” – cần phải được đối chiếu với quy định về Quy chế của các kỳ thi để quy định cho chính xác.

Sở Giáo dục và Đào tạo đã rà soát các chức danh “Thường trực” đúng theo quy định của quy chế thi.

- Tại điểm a khoản 1 Điều 3 dự thảo:

+ Cần làm rõ cơ sở pháp lý để quy định nội dung “các kỳ thi, cuộc thi, hội thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Hội thi Giáo viên dạy giỏi; Hội thi Giáo dục Quốc phòng – An ninh; Thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật; Kỳ thi nghề phổ thông, Kỳ thi cấp chứng chỉ và các kỳ thi, cuộc thi cấp tỉnh khác”.

Nội dung này Sở Giáo dục và Đào tạo giải trình như sau:

Các kỳ thi, cuộc thi, hội thi tại điểm a khoản 1 Điều 3 dự thảo có trong quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện thống nhất chung toàn quốc. Cụ thể: Thông tư 22/2019/TT-BGDĐT ngày 20/12/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy định về thi giáo viên dạy giỏi; Thông tư 23/2018/TT-BGDĐT ngày 28/9/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ Hội thao giáo dục quốc phòng và an ninh; Thông tư 38/2012/TT-BGDĐT ngày 02/11/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy chế thi nghiên cứu Khoa học kỹ thuật; Công văn 10945/BGDĐT-GDTrH ngày 27/11/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thi và cấp giấy chứng nhận nghề phổ thông áp dụng từ năm học 2008-2009 trở đi; Thông tư liên tịch 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

+ Dựa vào cơ sở nào cơ quan soạn thảo đề xuất tính bằng 80% định mức tương ứng mức tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ tại kỳ thi, cuộc thi, hội thi vận dụng quy định tại Điều 2? Tương tự đối với các tỷ lệ phần trăm định mức tương ứng được quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 3 dự thảo?

Nội dung này Sở Giáo dục và Đào tạo giải trình như sau:

Cơ sở để đề xuất mức chi vận dụng tại Điều 2 quy định tại Điều 3 đó là: Quy mô các kỳ thi cấp huyện nhỏ hơn cấp tỉnh; mức độ phức tạp của các khâu tổ chức ít hơn kỳ thi cấp tỉnh; mức độ đề thi, chấm thi đối với kỳ thi cấp tỉnh đòi hỏi cao hơn cấp huyện, cần phải đầu tư nhiều công sức, trí tuệ hơn. Mặt khác qua tham khảo các tỉnh khác và theo quy định tại Quyết định 07 của UBND tỉnh Đắk Nông cũng đưa ra tỉ lệ tương tự như thế cho các cấp.

- Tại điểm b khoản 1 Điều 3 dự thảo và dự thảo Phụ lục II được quy định kèm theo Điều 3 dự thảo: theo như nội dung dự thảo, có thể hiểu, đây là những cuộc thi do tỉnh phát động và tổ chức. Tuy nhiên, để tránh yếu tố đặc thù, tính địa phương đối với nội dung này, đề nghị cơ quan soạn thảo cần quy định theo hướng “*triển khai nhiệm vụ chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo*” – chẳng hạn, cụ thể hóa các nhiệm vụ cần triển khai các Kế hoạch, Quyết định, Quy chế... Bộ Giáo dục và Đào tạo .

Việc quy định danh mục 18 cuộc thi tại Phụ lục II có cứng nhắc không? Trường hợp Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu triển khai các nhiệm vụ chuyên môn danh mục 18 cuộc thi tại Phụ lục II của dự thảo thì giải quyết như thế nào? Đề nghị nghiên cứu phương án linh hoạt hơn.

Nội dung này Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu và chỉnh sửa như sau: Bỏ Phụ lục 2 đính kèm và diễn đạt lại nội dung tại điểm b) Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi (ngoài quy định tại điểm a) trong phạm vi triển khai nhiệm vụ chuyên môn của ngành: Tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ tại kỳ thi, cuộc thi, hội thi vận dụng tại Điều 2 và được tính bằng 60% định mức tương ứng.

Vì xét thấy nếu lập danh sách các kỳ thi, cuộc thi, hội thi thì sẽ cứng nhắc và nếu có phát sinh sau này sẽ khó khăn khi áp dụng.

- Tại khoản 3 Điều 3 dự thảo: việc quy định phân cấp “*Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp trường/trung tâm theo quy định: Hiệu trưởng/Giám đốc tổ chức xây dựng mức chi*” là chưa phù hợp với khoản 1 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, khoản 2 Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

1923

1923

1923

Nội dung này Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu và chỉnh sửa như sau: Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp trường/trung tâm theo quy định: mức chi cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi áp dụng 60% mức chi các kỳ thi, cuộc thi, hội thi quy định tại Điều 2 và Khoản 1 Điều này.

- Tại Điều 4 dự thảo: đối với nội dung “Năm 2022 áp dụng 70% mức chi quy định tại Điều 2 tại Nghị quyết này. Các năm tiếp theo, mỗi năm tăng 10% cho đến khi đạt 100% mức chi quy định tại Điều 2 tại Nghị quyết này”. Vậy việc Điều 3 dự thảo được áp dụng như thế nào? Bởi vì, tại Điều 3 dự thảo có tỷ lệ phần trăm định mức tương ứng dẫn chiếu lại Điều 2 dự thảo.

Nội dung này Sở Giáo dục và Đào tạo giải trình như sau: Nội dung này giữ nguyên như dự thảo, vì việc quy định năm 2022 áp dụng 70% mức chi quy định tại Điều 2 tại Nghị quyết này. Các năm tiếp theo, mỗi năm tăng 10% cho đến khi đạt 100% mức chi quy định tại Điều 2 tại Nghị quyết này sẽ tác động trực tiếp mức chi lên phụ lục tại Điều 2. Do đó, các quy định tại Điều 3 áp dụng năm 2022 chỉ áp dụng 70% mức chi và các năm tiếp theo tăng thêm 10% mỗi năm cho đến khi đạt 100% mức chi.

3. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Trình bày văn bản theo đúng quy định tại Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (*chú ý lỗi chính tả, viết hoa, viết thường, viết tắt, ...*); Mẫu số 16, mẫu số 44 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Cụ thể:

a) Đối với dự thảo Nghị quyết:

- Tại phần căn cứ pháp lý, đề nghị bổ sung: “*Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước*” cho đầy đủ.

Nội dung này Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu và bổ sung

- Khoản 1 và khoản 2 Điều 1; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 3 dự thảo cần phải được trình bày theo đúng quy định tại điểm d khoản 5 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: “*d) Số thứ tự các khoản trong mỗi mục dùng chữ số Ả Rập, sau số thứ tự có dấu chấm (.), cỡ chữ số bằng cỡ chữ của phần lời văn từ 13 đến 14, kiểu chữ đứng; nếu khoản có tiêu đề, số thứ tự và tiêu đề của khoản được trình bày trên một dòng riêng, bằng chữ in thường, cỡ chữ bằng cỡ chữ của phần lời văn từ 13 đến 14, kiểu chữ đứng*”.

Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu và chỉnh sửa

- Tiêu đề Điều 2 và tên Điều 3 dự thảo cần cần phải được trình bày theo đúng quy định tại điểm c khoản 5 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: “*c) Từ*

“Điều”, số thứ tự và tiêu đề của điều được trình bày bằng chữ in thường, cách lề trái từ 1cm đến 1,27cm, số thứ tự của điều dùng chữ số Ả Rập, sau số thứ tự có dấu chấm (.); cỡ chữ bằng cỡ chữ của phần lời văn từ 13 đến 14, kiểu chữ đứng, đậm”.

- Gộp Điều 5 và Điều 6 dự thảo thành 01 điều “Tổ chức thực hiện”.

- Hiệu lực thi hành của dự thảo phải đúng quy định tại khoản 48 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.

- Rà soát, sau dấu chấm phải không viết hoa (Điều 2, điểm a khoản 1 Điều 3 dự thảo...).

Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu và chỉnh sửa

- Mục Nơi nhận: bỏ nơi nhận là Ủy ban Dân tộc, Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh, Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn, Chuyên viên Văn phòng HĐND tỉnh. Đề nghị bổ sung Báo Đắc Nông, Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh, Trung tâm lưu trữ - Sở Nội vụ. Bổ sung chữ viết tắt đơn vị chủ trì soạn thảo và số lượng bản lưu; Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần) (Cho phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 67 Nghị định 34/2016/NĐ-CP: “Nơi nhận văn bản gồm: cơ quan giám sát, cơ quan kiểm tra, cơ quan ban hành văn bản, cơ quan Công báo và các cơ quan, tổ chức khác, tùy theo nội dung của văn bản.”).

Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu và chỉnh sửa, bổ sung

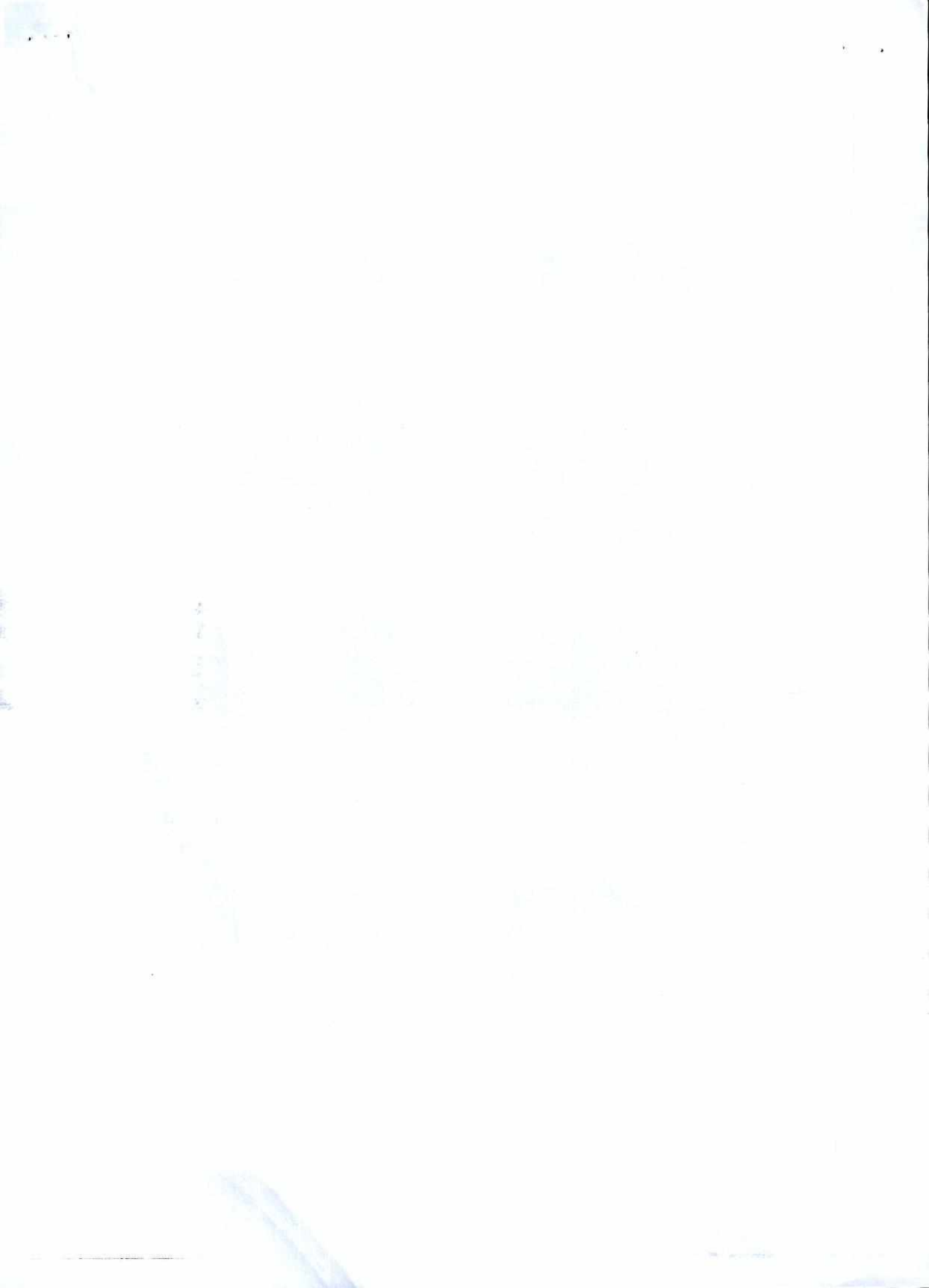
Trên đây là báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình của Sở Giáo dục và Đào tạo về báo cáo thẩm định dự thảo Nghị quyết của Sở Tư Pháp./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT, GDTrH-QLCL.



Nguyễn Văn Toàn



BẢNG GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC ĐƠN VỊ

(Kèm theo Công văn số: 380/SGDDĐT-GDTrH-QLCL, ngày 15 tháng 03 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý của cơ quan đơn vị	Ý kiến tiếp thu, giải trình của Sở GDĐT
1	Góp ý dự thảo Nghị quyết của Sở Công thương	Thông nhất với dự thảo	
2	Góp ý dự thảo Nghị quyết của Sở Giao thông Vận tải	Thông nhất với dự thảo	
3	Góp ý dự thảo Nghị quyết của Sở Kế hoạch – Đầu tư	Thông nhất với dự thảo	
4	Góp ý dự thảo Nghị quyết của Sở Khoa học – Công nghệ	Thông nhất với dự thảo	
5	Góp ý dự thảo Nghị quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Thông nhất với dự thảo	
6	Góp ý dự thảo Nghị quyết của Sở Nội vụ	Thông nhất với dự thảo	
7	Góp ý dự thảo Nghị quyết của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	1. Tại khoản 3.1, mục 3, phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết: Góp ý bổ sung nội dung chi tại khoản 3.1. Chi đào tạo, bồi dưỡng cho người tham gia soạn thảo, biên tập, hoàn thiện câu trắc nghiệm”: <i>Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 4, điều 2, Nghị quyết này.</i>	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu và nghiên cứu lại: Thấy rằng nội dung này đã quy định tại Mục a, khoản 9 Điều 8 tại Thông tư 69 nên không phải đưa vào Nghị quyết này. Sở GDĐT xóa bỏ nội dung này trong dự thảo.
		2. Bổ sung đơn vị tính 1000 đồng tại phụ lục kèm theo	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu và bổ sung

		dự thảo Nghị quyết.	đơn vị tính 1000 đồng vào phụ lục dự thảo Nghị quyết.
8	Góp ý dự thảo Nghị quyết của Sở Tài chính	<p>Đề nghị Sở GDĐT căn cứ các nội dung, mức chi trong dự thảo nghị quyết lập dự toán kinh phí 01 cuộc thi nào đó, dự kiến trong 01 năm có bao nhiêu kỳ thi. Đồng thời so sánh với các mức chi tại dự thảo Nghị quyết với mức chi tại Quyết định 07/2013/QĐ-UBND ngày 06/5/2013 về việc quy định nội dung, các mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông và các kỳ thi khác trong phạm vi nhiệm vụ chuyên môn của ngành giáo dục tại tỉnh Đắk Nông (gọi tắt là Quyết định 07)</p>	<p>Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu ý kiến của Sở Tài chính, đã dự trù và tính toán mức chi sau khi áp dụng mức chi tại Dự thảo thì thấy rằng kinh phí sẽ gấp khoảng 0,7 lần mức chi tại Quyết định 07. Sở GDĐT giảm mức chi và đưa ra lộ trình áp dụng chi tiết tại mục sau.</p> <p>Năm vừa qua tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thi tốt nghiệp; 2. Thi tuyển sinh đầu cấp; 3. Thi học sinh giỏi tỉnh THCS, THPT; 4. Thi Chọn đội tuyển HSG dự thi HSG quốc gia; 5. Thi nghề phổ thông THCS, THPT; 6. Hội thao Giáo dục quốc phòng-An ninh; 7. Cuộc thi hùng biện Tiếng Anh cấp Trung học cơ sở, Trung học phổ thông; 8. Cuộc thi thuyết trình tìm hiểu về công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông cấp Trung học cơ sở, Trung học phổ thông; 10. Hội thi Giữ vở sạch, viết chữ đẹp cho học sinh; 11. Hội thi bếp ăn dinh dưỡng và an toàn thực phẩm <p>Sau khi giảm mức chi trong dự thảo và áp dụng 70% mức chi cho năm 2022. Mức tăng kinh phí khi áp dụng mức chi mới theo</p>

dự thảo Nghị quyết tăng khoảng 30% so với Quyết định 07.

Lý do chọn mức chi hiện tại trong Dự thảo lần 2:

- Mức chi: Dự thảo xây dựng mức chi trung bình khoảng gấp 2 lần mức chi tại quyết định 07 cụ thể hóa Thông tư 66. Năm 2022 áp dụng 70% mức chi tại Nghị quyết này thì mức chi tăng khoảng 30% so với mức chi cũ, hoàn toàn phù hợp với tình hình ngân sách của tỉnh;

+ Thông tư 66 đã ban hành từ năm 2012 đến nay đã 10 năm, với tình hình phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh Đắk Nông trong 10 năm qua thì mức chi xây dựng hoàn toàn phù hợp;

+ Thông tư 69 sẽ có hiệu lực nhiều năm nữa nên mức chi xây dựng tương đối phù hợp cho việc áp dụng trong nhiều năm tiếp theo;

+ Đối tượng thụ hưởng khi tham gia các công đoạn ra đề, coi thi, chấm thi, xây dựng ngân hàng đề,... chính là Thầy, Cô giáo đang giảng dạy trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Trong khi đó hiện nay Bộ Giáo dục và Đào tạo đang triển khai đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng đánh giá năng lực người học, một phương pháp đánh giá hoàn toàn mới so với trước, yêu cầu của đề thi đòi hỏi phải đầu tư nhiều thời gian, công sức để thực hiện. Do đó, xây dựng mức chi tương đối phù hợp để động viên Thầy, Cô tập trung nghiên cứu, góp phần đẩy nhanh việc đổi

			mới kiểm tra đánh giá và nâng cao hiệu quả đánh giá đáp ứng yêu cầu đổi mới hiện nay.
		Sau khi so sánh, đánh giá, dự kiến tổng kinh phí tổ chức các kỳ thi trong năm, đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo dự kiến tỉ lệ % các mức chi tăng lên, từ đó đưa ra mức chi phù hợp với tình hình thực tế và khả năng ngân sách địa phương.	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu ý kiến Sở Tài chính, giảm mức chi so với dự thảo 10%, giảm mức áp dụng các kỳ thi, cuộc thi tại địa phương xuống 60% mức chi tại phụ lục dự thảo nghị quyết, đồng thời trong năm 2022 áp dụng chỉ 70% mức chi trong dự thảo, sau đó mỗi năm tăng dần 10% cho đến năm 2025 sẽ áp dụng 100% mức chi tại dự thảo.
9	Góp ý dự thảo Nghị quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường	Đề nghị đơn vị khi viện dẫn lần đầu văn bản có liên quan, phải ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản; ngày tháng năm ban hành; tên cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu và bổ sung theo ý kiến góp ý.
10	Góp ý dự thảo Nghị quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thông nhất với dự thảo	
11	Góp ý dự thảo Nghị quyết của Sở Xây dựng	Thông nhất với dự thảo	
12	Góp ý dự thảo Nghị quyết của Sở Y tế	Thông nhất với dự thảo	
13	Góp ý dự thảo Nghị quyết của UBND huyện Đắk Glong	Cần bổ sung đơn vị mức chi	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu và bổ sung
14	Góp ý dự thảo Nghị quyết của UBND huyện Đắk Mil	Thông nhất với dự thảo	

15	Góp ý dự thảo Nghị quyết của UBND huyện Đắk Song	Cơ bản thống nhất nội dung, tuy nhiên đề nghị xem xét bổ sung thêm nội dung và mức chi tiền công cho Ban Tổ chức (Trưởng ban, Phó ban, Thư ký và các thành viên) để phục vụ cho một số hội thi của ngành giáo dục trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu ý kiến và bổ sung phụ lục 2 liệt kê tất cả các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong các năm qua trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Lý do: Mỗi năm chỉ tổ chức một đến hai cuộc thi trong danh sách liệt kê ở Phụ lục 2, mặc khác mức chi cho mỗi hội thi khoảng 30 triệu đồng nên mức độ tác động rất nhỏ, trong khi đó những kỳ thi, cuộc thi đều triển khai từ nhiệm vụ chuyên môn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
16	Góp ý dự thảo Nghị quyết của UBND huyện Krông Nô	Tại mục 7 Điều 2 Nghị quyết: Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp huyện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi được tính bằng 70% định mức các kỳ thi, cuộc thi cấp tỉnh quy định tại Khoản 5, Khoản 6 điều này. Đề nghị bổ sung mức chi lên 80%	Sở Giáo dục và Đào tạo vẫn giữ mức 70% theo dự thảo vì căn cứ theo QĐ07 đã ban hành thì mức chi giữa cấp tỉnh và cấp huyện theo tỉ lệ khoảng 70%.
		Bổ sung thêm các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội thao thuộc phạm vi chuyên môn của ngành giáo dục cấp huyện.	Sở Giáo dục và Đào tạo đã bổ sung phụ lục 2 tại Dự thảo Nghị quyết và cấp huyện sẽ áp dụng theo danh mục tại Phụ lục đính kèm.
17	Góp ý dự thảo Nghị quyết của UBND TP. Gia Nghĩa	Thống nhất với dự thảo	
18	Góp ý dự thảo Nghị quyết của Sở Tư pháp	Thống nhất với dự thảo	

